

DANH SÁCH
Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2025 - 2026
Khóa ngày 03 tháng 6 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDDT ngày tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Danh sách tuyển thẳng

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú (trước 01/7/2025)	Học sinh trường	Đối tượng trúng tuyển
1	NA VĂN AN	Nam	Lô Lô	19/04/2010	Khuổi Khon - Kim Cúc - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
2	CHI THỂ ANH	Nam	Lô Lô	04/01/2010	Khuổi Khon - Kim Cúc - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
3	CHI THỊ BÍCH	Nữ	Lô Lô	11/08/2010	Khuổi Khon - Kim Cúc - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
4	NÔNG THỊ BIÊN	Nữ	Lô Lô	12/08/2010	Cà Đồng - Đức Hạnh - Bảo Lâm - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
5	LÃNG VĂN CÁO	Nam	Lô Lô	29/12/2010	Cà Pên A - Đức Hạnh - Bảo Lâm - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
6	LANG VĂN CÔNG	Nam	Lô Lô	23/05/2010	Khau Cà - Hồng Trị - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
7	HOÀNG THỊ ĐIỆP	Nữ	Lô Lô	25/11/2010	Nà Van - Hồng Trị - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
8	NA VĂN ĐOÁN	Nam	Lô Lô	15/03/2010	Nà Van - Hồng Trị - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
9	LÝ VĂN ĐÔNG	Nam	Lô Lô	29/01/2010	Khau Trang - Hồng Trị - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
10	BAN THU HÀ	Nữ	Lô Lô	23/01/2010	Cốc Xả - Hồng Trị - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
11	LANG VĂN HOÀN	Nam	Lô Lô	19/09/2010	Ngàm Lôm - Cô Ba - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
12	LUƠNG GIA HUY	Nam	Lô Lô	21/08/2010	Khuổi Khon - Kim Cúc - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
13	LANG THỊ HUYNH	Nữ	Lô Lô	08/04/2010	Ngàm Lôm - Cô Ba - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
14	HOÀNG THÂM DUY KIÊN	Nam	Nùng	29/03/2010	Tổ dân phố 6 - Thị trấn Trùng Khánh - Trùng Khánh - Cao Bằng	THCS thị trấn Trùng Khánh	Đạt giải quốc gia
15	CHUNG THỊ LIỄU	Nữ	Lô Lô	26/12/2009	Cà Pên A - Đức Hạnh - Bảo Lâm - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	Dân tộc thiểu số rất ít người
16	CHUNG KHÁNH LINH	Nữ	Lô Lô	15/09/2010	Khau Trang - Hồng Trị - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
17	NA VĂN LONG	Nam	Lô Lô	25/06/2010	Khuổi Khon - Kim Cúc - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
18	NÔNG ĐỨC MINH	Nam	Tày	18/04/2010	Tổ 8 phường Hợp Giang - Thành phố Cao Bằng - Cao Bằng	THCS Hợp Giang	Đạt giải quốc gia
19	LANG HỮU PHÁT	Nam	Lô Lô	15/05/2010	Ngàm Lôm - Cô Ba - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
20	CHI VĂN PHÚC	Nam	Lô Lô	14/02/2010	Khuổi Khon - Kim Cúc - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
21	HOÀNG VĂN PHUỐNG	Nam	Lô Lô	12/10/2010	Nà Van - Hồng Trị - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
22	CHI VĂN SÁNG	Nam	Lô Lô	01/04/2010	Khuổi Khon - Kim Cúc - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người

TT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú (trước 01/7/2025)	Học sinh trường	Đối tượng trúng tuyển
23	LANG VĂN THƯỜNG	Nam	Lô Lô	26/04/2010	Khau Trang - Hồng Trị - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người
24	HOÀNG THU TRANG	Nữ	Nùng	14/08/2010	Nà Tằng - Thị trấn Nước Hai - Hòa An - Cao Bằng	THCS Nước Hai	Đạt giải quốc gia
25	CÔ VIỆT TRANG	Nữ	Lô Lô	05/11/2010	Nà Van - Hồng Trị - Bảo Lạc - Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lạc	Dân tộc thiểu số rất ít người

Danh sách gồm 25 học sinh./.

2. Danh sách học sinh thi tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú (trước 01/7/2025)	Huyện cũ	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
1	03.346	MA NGUYỄN HUỆ	Nữ	Tày	20/06/2010	Pù Mò - Sơn Lô - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	2.00	6.00	8.75	7.00	23.75	Đ1	Đạt giải nhì cấp tỉnh quy mô quốc gia
2	03.338	LA THỊ HIỀN	Nữ	Tày	09/10/2010	Bản Mioỏng - Đình Phùng - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	7.75	6.25	8.50	23.50	Đ1	
3	03.361	LÝ TRIỆU ĐAN LINH	Nữ	Tày	01/06/2010	Bản Piây - Hồng Trị - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	7.50	7.50	6.75	22.75	Đ1	
4	03.333	VŨ HOÀNG TUẤN DUY	Nam	Tày	03/07/2010	Bản Diễm - Khánh Xuân - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	8.25	7.00	6.50	22.75	Đ1	
5	03.348	NÔNG THỊ HƯỜNG	Nữ	Nùng	04/04/2010	Khuổi Sá - Cốc Pàng - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	7.75	8.00	5.75	22.50	Đ1	
6	03.330	DƯƠNG HOÀNG DIỄM	Nữ	Dao	23/02/2010	Bản Diễm - Khánh Xuân - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	6.75	7.00	7.25	22.00	Đ1	
7	03.336	VI THU HẰNG	Nữ	Tày	24/08/2010	Phiêng Châu 2 - Đình Phùng - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	7.75	6.75	6.25	21.75	Đ1	
8	03.372	NÔNG HỒNG NGUYỄN	Nữ	Tày	20/03/2010	Bản Khiếu - Sơn Lô - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	8.25	7.25	5.25	21.75	Đ1	
9	03.349	QUAN THÚY HƯỜNG	Nữ	Tày	20/10/2010	Bản Piây - Hồng Trị - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	7.25	6.50	6.75	21.50	Đ1	
10	03.381	NÔNG HỒNG THÁI	Nam	Nùng	07/02/2010	Nà Rò - Bảo Toàn - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	2.50	6.00	7.50	5.25	21.25	Đ1	Đạt giải nhất cấp tỉnh quy mô quốc gia
11	03.390	LƯƠNG THU THỦY	Nữ	Nùng	24/10/2010	Phiêng Nà - Hưng Đạo - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	7.25	7.75	5.00	21.00	Đ1	
12	03.388	CHẢO PHÚ THÔNG	Nam	Dao	16/10/2010	Xà Phìn - Xuân Trường - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	8.00	7.25	3.25	19.50	Đ2	
13	03.332	BÙI KHÁNH DUY	Nam	Mường	22/05/2010	Lũng Pán - Huy Giáp - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	6.75	6.50	5.00	19.25	Đ2	
14	03.367	HOÀNG THỊ TRÀ MY	Nữ	Mông	04/07/2010	Hoi Ngửa - Hồng An - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	4.75	7.75	4.00	17.50	Đ2	
15	03.383	TRẦN NGUYỄN ĐAN THANH	Nữ	Tày	13/02/2010	Tổ dân phố 5 - TT Bảo Lạc - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	8.00	9.00	6.25	24.25	Đ3	
16	03.326	NGUYỄN QUANG BÌNH	Nam	Tày	02/07/2010	Tổ dân phố 5 - TT Bảo Lạc - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	8.25	6.50	8.00	23.75	Đ3	
17	24.435	TÔ SƠN HÀ	Nam	Tày	19/05/2010	Tổ dân phố 5 - TT Bảo Lạc - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	8.50	6.50	7.75	23.75	Đ3	
18	03.328	LÃNH THỊ QUẾ CHI	Nữ	Tày	13/12/2010	Tổ dân phố 5 - TT Bảo Lạc - Bảo Lạc - Cao Bằng	Bảo Lạc	1.00	7.00	8.00	7.00	23.00	CH	
19	04.361	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	Nam	Tày	25/02/2010	Nà Pồng - Lý Bôn - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	8.00	8.00	8.75	25.75	Đ1	
20	04.370	HÀ THỊ THU QUỲNH	Nữ	Tày	01/09/2010	Nà Nàng - Thái Sơn - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	8.75	7.75	5.50	23.00	Đ1	
21	04.338	MA THỊ ĐIỀU	Nữ	Tày	12/07/2010	Đon Sải - Nam Quang - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	7.50	9.00	4.75	22.25	Đ1	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú (trước 01/7/2025)	Huyện cũ	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đôi tượng trúng tuyển	Ghi chú
22	04.354	SÀN THỊ TUỆ LAN	Nữ	Dao	20/01/2010	Nà Ca - Thị trấn Pác Miầu - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	8.00	8.00	5.00	22.00	Đ1	
23	04.344	HOÀNG THU HẰNG	Nữ	Nùng	24/08/2010	Bản Báng - Lý Bôn - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	7.75	8.00	5.25	22.00	Đ1	
24	04.348	MẠC MINH HOÀNG	Nam	Tày	15/01/2010	Nà Thôm - Vĩnh Phong - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	8.25	7.00	5.50	21.75	Đ1	
25	04.377	SÀM THỊ THU	Nữ	Nùng	02/05/2010	Nà Hếng - Nam Quang - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	8.00	7.50	5.00	21.50	Đ1	
26	04.373	HỨA THỊ THU THẢO	Nữ	Nùng	20/09/2010	Khâu Han - Yên Thô - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	7.50	8.00	5.00	21.50	Đ1	
27	04.329	NÔNG TUẤN ANH	Nam	Nùng	12/10/2010	Nà Hu - Đức Hạnh - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	8.25	8.25	4.00	21.50	Đ1	
28	04.378	MÃ HOÀI THƯỜNG	Nữ	Tày	15/10/2010	Bản Bó - Thái Học - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	6.75	7.50	5.75	21.00	Đ1	
29	04.333	NGUYỄN MINH CHÂU	Nam	Tày	14/03/2010	Tổng Ngoảng - Quảng Lâm - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	7.75	5.25	7.00	21.00	Đ1	
30	04.355	HÀU HOÀNG LINH	Nữ	Mông	30/07/2010	Nà Hôm - Thạch Lâm - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	6.75	7.25	6.00	21.00	Đ1	
31	04.345	CHU TRIỆU CHANG HIÊN	Nữ	Dao	17/02/2010	Khu 3 - Thị trấn Pác Miầu - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	5.50	8.25	5.25	20.00	Đ2	
32	04.390	HOÀNG THỊ YÊU	Nữ	Sán Chi	10/05/2010	Nà Nàng, - Thái Sơn - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	5.75	9.25	3.50	19.50	Đ2	
33	04.376	MÃ THỊ HỒNG THU	Nữ	Mông	30/04/2010	Mạy Rai - Pác Miầu - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	7.00	6.25	5.00	19.25	Đ2	
34	04.352	HOÀNG BẢO LÂM	Nam	Tày	27/11/2010	Khu 2 - Thị trấn Pác Miầu - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	3.00	7.25	5.75	17.00	Đ3	
35	03.354	ĐÀM PHÙNG TRÚC LÂM	Nữ	Tày	20/12/2010	Khu 2 - Thị trấn Pác Miầu - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	3.75	3.25	7.50	15.50	Đ3	
36	04.330	CHU NGỌC LÂM BẢO	Nam	Kinh	12/02/2010	Khu 4 - Thị trấn Pác Miầu - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	6.50	6.75	5.00	19.25	Đ4	
37	04.374	MA THỊ THỜI	Nữ	Tày	18/10/2010	Bản Cao - Nam Cao - Bảo Lâm - Cao Bằng	Bảo Lâm	1.00	6.00	7.50	5.50	20.00	CH	Điểm TBM lớp 9: 8.64
38	12.157	HOÀNG THANH BÌNH	Nam	Tày	13/02/2010	Đông Mu - Thanh Nhật - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	8.50	8.75	9.25	27.50	Đ1	
39	11.234	NÔNG LÊ BẢO HẠ	Nữ	Tày	16/05/2010	Bang Dưới - Lý Quốc - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	8.00	8.75	9.50	27.25	Đ1	
40	11.225	NGỌC HOÀI CHIẾN	Nam	Tày	21/02/2010	Lũng Đa - Minh Long - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	9.75	7.75	8.75	27.25	Đ1	
41	11.252	MÔNG THANH NHÃ	Nữ	Tày	12/01/2010	Nà Ến - TT Thanh Nhật - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	8.50	7.75	8.25	25.50	Đ1	
42	11.276	BẾ NGỌC XUÂN	Nữ	Nùng	15/10/2010	Lý Vạn - Lý Quốc - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	8.50	7.50	8.00	25.00	Đ1	
43	11.222	NÔNG BẢO CHÂU	Nữ	Tày	02/09/2010	Nà Ến - Thị trấn Thanh Nhật - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	8.25	7.00	8.00	24.25	Đ1	

Danh sách học sinh trúng tuyển Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2025 - 2026

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú (trước 01/7/2025)	Huyện cũ	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đôi tượng trúng tuyển	Ghi chú
44	11.248	NÔNG THỊ KHÁNH LY	Nữ	Nùng	13/05/2010	Nà Kéo - Thống Nhất - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	7.75	8.75	6.75	24.25	Đ1	
45	11.266	HOÀNG MINH THU	Nữ	Tày	23/02/2010	Huyền Du - Thị trấn Thanh Nhật - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	8.25	7.75	7.25	24.25	Đ1	
46	11.247	BẠCH THIÊN LONG	Nam	Nùng	20/09/2010	Tổng Nưa - Thị Hoa - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	8.00	6.75	8.75	24.50	Đ3	
47	11.273	THÂM THỊ KIM TUYẾN	Nữ	Tày	15/01/2010	Đồng Tiến - Đồng Loạn - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	8.00	8.25	6.75	24.00	CH	
48	11.251	PHƯƠNG NGỌC	Nữ	Nùng	14/11/2010	Hùng Bình - Thắng Lợi - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	7.25	6.75	8.75	23.75	CH	
49	11.261	BẾ LINH SAN	Nữ	Nùng	18/08/2010	Ngưôm Khang - Thị trấn Thanh Nhật - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	7.50	7.00	8.25	23.75	CH	
50	11.256	MÔNG THANH NHƯ	Nữ	Tày	12/01/2010	Nà Ên - TT Thanh Nhật - Hạ Lang - Cao Bằng	Hạ Lang	1.00	7.50	8.00	7.25	23.75	CH	
51	12.240	HOÀNG THỊ AN SON	Nữ	Nùng	01/09/2010	Đồng Cô - Cải Viên - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.50	9.50	8.50	27.50	Đ1	
52	12.230	HOÀNG THỊ TỔ NHƯ	Nữ	Tày	30/11/2010	Nam Hưng Đạo - Đa Thông - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.50	8.50	8.25	26.25	Đ1	
53	12.177	NÔNG THỊ KIM HÂN	Nữ	Nùng	26/03/2010	Bình Minh - Thanh Long - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.00	8.25	8.75	26.00	Đ1	
54	12.173	HỨA MẠNH HẢI	Nam	Nùng	15/02/2010	Phục Quốc 2 - Lương Thông - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.75	6.75	9.25	25.75	Đ1	
55	12.174	SÀM THANH HẢI	Nam	Nùng	23/06/2010	Tấp Ná - Thanh Long - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.25	7.00	9.50	25.75	Đ1	
56	12.169	LƯƠNG HỒNG ĐIỆP	Nữ	Nùng	12/09/2010	Nà Cháo - Sóc Hà - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.75	9.25	5.75	24.75	Đ1	
57	12.152	LA PHƯƠNG ANH	Nữ	Tày	12/09/2010	Bản Láp - Quý Quân - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	7.50	9.00	7.00	24.50	Đ1	
58	12.218	TÔ ĐẠI LONG	Nam	Tày	27/01/2010	Bản Giàng - Thị trấn Xuân Hoà - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.75	6.75	7.75	24.25	Đ1	
59	12.167	HỨA THÀNH ĐẠT	Nam	Nùng	07/04/2010	Kim Đồng - Lương Can - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.50	8.00	6.50	24.00	Đ1	
60	12.164	VƯƠNG VĂN ĐẠI	Nam	Mông	03/11/2010	Ma Pán - Đa Thông - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.75	7.00	7.25	24.00	Đ1	
61	12.178	NÔNG THỊ NGỌC HÂN	Nữ	Tày	27/10/2010	Yên Luật - Thị trấn Xuân Hoà - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	7.25	8.00	7.50	23.75	Đ1	
62	12.217	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	Tày	30/04/2010	Bắc Hưng Đạo - Đa Thông - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	7.75	6.75	8.25	23.75	Đ1	
63	11.227	LÊ VIỆT CƯỜNG	Nam	Nùng	19/06/2010	Cha Vạc - Cải Viên - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.25	7.50	7.00	23.75	Đ1	
64	12.153	LÝ HOÀNG ANH	Nữ	Dao	22/03/2010	Làng Can - Lương Can - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.00	7.50	6.00	22.50	Đ2	
65	12.221	HOÀNG THỊ PHƯƠNG NGHI	Nữ	Mông	17/09/2010	Kéo Nặm - Mã Ba - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	7.75	7.75	5.00	21.50	Đ2	

Danh sách học sinh trúng tuyển Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2025 - 2026

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú (trước 01/7/2025)	Huyện cũ	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đôi tượng trúng tuyển	Ghi chú
66	12.211	TRẦN PHƯƠNG LAN	Nữ	Cao Lan	20/09/2010	Bản Gải - Cần Yên - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.50	6.50	5.25	21.25	Đ2	
67	12.159	TRIỆU QUANG CHUNG	Nam	Dao	16/06/2010	Ngọc Chung - Ngọc Động - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.00	8.00	3.75	20.75	Đ2	Điểm TBM lớp 9: 8.38
68	12.256	QUÁCH THỊ THU TRANG	Nữ	Nùng	05/02/2010	Sóc Giang - Sóc Hà - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	8.25	8.50	9.00	26.75	Đ3	
69	09.360	HOÀNG THỊ THẢO NGÂN	Nữ	Tày	01/01/2010	Tổ Xuân Vinh, Thị trấn Xuân Hòa - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	7.75	7.50	8.75	25.00	Đ3	
70	12.199	LÊ QUANG HUY	Nam	Tày	08/01/2010	Tổ Xuân Lộc - Thị trấn Xuân Hoà - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.50	8.50	7.00	7.25	24.25	Đ3	Đạt giải ba cấp tỉnh quy mô quốc gia
71	12.162	MA NÔNG TÙNG DƯƠNG	Nam	Nùng	20/04/2010	Tổ dân phố 3 - Thông Nông - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	2.00	7.75	7.75	6.50	24.00	CH	Đạt giải nhì cấp tỉnh quy mô quốc gia
72	12.241	DƯƠNG QUANG THÁI	Nam	Nùng	11/03/2010	Tổ Xuân Đại - Thị trấn Xuân Hoà - Hà Quảng - Cao Bằng	Hà Quảng	1.00	7.75	8.00	7.00	23.75	CH	
73	24.461	PHAN THỊ NHƯ	Nữ	Nùng	16/10/2010	Lũng Quang - Nguyễn Huệ - Hòa An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	8.25	8.75	7.50	25.50	Đ1	
74	24.437	LỤC THU HOÀI	Nữ	Tày	08/01/2010	Bản Gùn - Ngũ Lão - Hòa An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	8.25	7.25	8.25	24.75	Đ1	
75	13.338	ĐÀM TRUNG DŨNG	Nam	Tày	11/01/2010	Má Chang - Đại Tiến - Hoà An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	8.50	7.00	8.00	24.50	Đ1	
76	24.470	LÝ HẢI YẾN	Nữ	Tày	02/04/2010	Nà Tú - Ngũ Lão - Hòa An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	7.75	8.50	7.00	24.25	Đ1	
77	13.347	BẾ THỊ LAN	Nữ	Tày	22/08/2010	Nà Nhừ - Dân Chủ - Hoà An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	8.25	7.25	7.50	24.00	Đ1	
78	24.429	LÝ ÁNH DƯƠNG	Nữ	Nùng	27/01/2010	Khuổi Rỳ - Bình Dương - Hòa An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	8.25	6.50	8.00	23.75	Đ1	
79	24.436	ĐINH NGỌC HIỆP	Nam	Tày	21/09/2010	Khuổi Linh - Hồng Nam - Hòa An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	7.50	7.25	8.00	23.75	Đ1	
80	13.354	LỤC THẢO MY	Nữ	Mông	10/02/2010	Nà Chang - Trương Lương - Hoà An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	8.00	7.25	7.25	23.50	Đ1	
81	13.342	LƯU ĐỨC HẬU	Nam	Mông	04/04/2010	Lũng Phây - Hồng Việt - Hoà An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	8.00	7.50	2.75	19.25	Đ2	
82	13.352	HOÀNG THỊ CẨM LY	Nữ	HMông	21/10/2010	Lam Sơn Hạ - Hồng Việt - Hoà An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	4.75	6.75	3.25	15.75	Đ2	
83	13.337	HOÀNG MAI CHI	Nữ	Tày	30/09/2010	Phố B - Nước Hai - Hoà An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	8.50	9.25	9.50	28.25	Đ3	
84	09.185	ĐỖ MINH HOÀNG	Nam	Tày	08/02/2010	Minh Khai - Đức Long - Hòa An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	8.00	8.50	9.25	26.75	Đ3	
85	24.447	NÔNG ĐỨC LÂM	Nam	Kinh	27/06/2010	Nà Roác 2 - Bạch Đằng - Hòa An - Cao Bằng	Hòa An	1.00	1.00	6.50	6.25	14.75	Đ4	
86	09.334	NGUYỄN TUỆ MINH	Nữ	Tày	29/10/2010	Tổ dân phố 4 - Tĩnh Túc - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.00	8.50	8.50	9.00	27.00	Đ1	
87	18.281	PHÙNG THANH BÌNH	Nam	Nùng	03/01/2010	Tổ dân phố 1 - Tĩnh Túc - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	2.00	8.00	7.75	7.75	25.50	Đ1	Đạt giải nhì cấp tỉnh quy mô quốc gia

Danh sách học sinh trúng tuyển Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2025 - 2026

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú (trước 01/7/2025)	Huyện cũ	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đôi tượng trúng tuyển	Ghi chú
88	18.317	NÔNG YẾN NHI	Nữ	Tày	13/02/2010	Phai Khắt - Tam Kim - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.50	8.00	8.75	6.75	25.00	Đ1	Đạt giải ba cấp tỉnh quy mô quốc gia
89	09.259	NÔNG CHÍ KIÊN	Nam	Tày	01/01/2010	Quang Bình - Quang Thành - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.00	7.75	7.25	8.50	24.50	Đ1	
90	18.282	LÃNH MA BẢO CHÂM	Nữ	Tày	20/06/2010	Bản Um - Tam Kim - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.50	8.25	8.75	5.75	24.25	Đ1	Đạt giải ba cấp tỉnh quy mô quốc gia
91	18.319	BÀN MẠNH QUÂN	Nam	Dao	02/05/2010	Nà Lèng - Quang Thành - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.00	7.50	7.75	6.50	22.75	Đ1	
92	18.332	HÀ TUYẾT VY	Nữ	Tày	04/11/2010	Bản Nùng - Thề Dục - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.00	7.75	7.00	6.75	22.50	Đ1	
93	18.290	NGÔ HUY DƯƠNG	Nam	Mông	10/04/2010	Tân Thịnh - Vũ Minh - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.00	8.25	7.25	5.50	22.00	Đ1	
94	24.445	HOÀNG ĐĂNG KHÔI	Nam	Nùng	02/01/2010	Tổ dân phố 3 - Tinh Túc - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.00	7.50	4.50	9.00	22.00	Đ1	
95	18.288	TRIỆU THỊ QUỲNH DUNG	Nữ	Dao	09/01/2010	Nà Lèng - Quang Thành - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.00	8.00	7.50	5.25	21.75	Đ2	
96	18.313	BÀN TIỀN MẠNH	Nam	Dao	13/01/2010	Bình Đường - Phan Thanh - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.00	7.50	6.50	6.25	21.25	Đ2	
97	18.293	HÀ DƯƠNG THÀNH ĐẠT	Nam	Tày	29/03/2010	Bản Luộc - Thị trấn Nguyên Bình - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.00	7.50	8.25	8.50	25.25	Đ3	
98	18.308	HOÀNG NÔNG NGỌC LAN	Nữ	Mông	28/10/2010	Nà Gọn - Thị trấn Nguyên Bình - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.00	8.00	7.00	4.75	20.75	Đ3	
99	18.321	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	Kinh	16/09/2010	Tổ dân phố 1 - Tinh Túc - Nguyên Bình - Cao Bằng	Nguyên Bình	1.00	8.75	8.50	4.75	23.00	Đ4	
100	22.408	NÔNG LƯƠNG NHẬT THÀNH	Nam	Nùng	04/04/2010	Đầu Cọ - Phúc Sen - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	8.25	8.75	8.25	26.25	Đ1	
101	22.380	NÔNG THU LÊ	Nữ	Nùng	12/06/2010	Phía Chang - Phúc Sen - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	9.75	6.50	8.75	26.00	Đ1	
102	22.350	HOÀNG TRƯỜNG GIANG	Nam	Tày	18/12/2010	Thạch Bình - Phi Hải - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	9.00	7.75	8.00	25.75	Đ1	
103	22.410	LƯƠNG MINH THIÊN	Nam	Nùng	15/05/2010	Xóm Khào - Phúc Sen - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	2.50	8.75	7.75	6.75	25.75	Đ1	Đạt giải nhất cấp tỉnh quy mô quốc gia
104	22.365	SÀM THỊ KIỀU HƯƠNG	Nữ	Nùng	13/03/2010	Pác Cam - Thị trấn Quảng Uyên - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	8.50	8.50	7.25	25.25	Đ1	
105	22.406	HOÀNG THANH TÂN	Nam	Nùng	25/01/2010	Pác Cam - Thị trấn Quảng Uyên - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	8.00	8.50	7.75	25.25	Đ1	
106	22.345	PHAN ĐỨC DŨNG	Nam	Tày	07/07/2010	Tri Phương - Ngọc Động - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	8.25	8.25	7.75	25.25	Đ1	
107	22.423	LỤC THANH TRÚC	Nữ	Tày	12/10/2010	Cô Rào - Tự Do - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	2.50	8.25	8.00	6.50	25.25	Đ1	Đạt giải nhất cấp tỉnh quy mô quốc gia
108	22.391	LONG THỊ TUYẾT NGÀ	Nữ	Nùng	21/03/2010	Nhóm Nhèm - Lũng Đầy - Quốc Toàn - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	8.50	8.50	7.00	25.00	Đ1	

Danh sách học sinh trúng tuyển Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2025 - 2026

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú (trước 01/7/2025)	Huyện cũ	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đôi tượng trúng tuyển	Ghi chú
109	09.232	ĐÀM MINH KHANG	Nam	Tày	08/02/2010	Bản Mền - xã Cách Linh - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	9.75	6.25	8.00	25.00	Đ1	
110	22.366	HOÀNG NGỌC HỮU	Nam	Tày	05/01/2010	Phia Đông - Nà Du - Ngọc Động - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	8.00	7.50	8.50	25.00	Đ1	
111	22.398	LONG TUYẾT NHI	Nữ	Nùng	07/12/2010	Bản Mới - Đại Sơn - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	8.50	7.00	8.50	25.00	Đ1	
112	22.416	ĐÀO THỊ TRÂM	Nữ	HMông	25/07/2010	Phúc Dừng - Phi Hải - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	5.50	7.50	5.50	19.50	Đ2	
113	22.404	HỒNG THỊ SI	Nữ	HMông	20/08/2010	Phúc Dừng - Phi Hải - Quảng Hoà	Quảng Hòa	1.00	2.25	8.25	3.00	14.50	Đ2	
114	22.428	HOÀNG ANH VŨ	Nam	Mông	03/06/2010	Đà Vỹ - Thị Trấn Quảng Uyên - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	3.00	5.25	2.50	11.75	Đ2	
115	22.415	HOÀNG THU TRÀ	Nữ	Tày	21/08/2010	Biên Hoà - Đại Sơn - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	2.50	8.00	8.75	9.25	28.50	Đ3	Đạt giải nhất cấp tỉnh quy mô quốc gia
116	22.359	LÃNG THỊ THU HOÀI	Nữ	Nùng	12/05/2010	Bản Chu - Đại Sơn - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	8.00	8.00	6.50	23.50	Đ3	
117	22.370	NÔNG HÀ PHƯƠNG KHÁNH	Nữ	Tày	30/10/2010	Xuân Hồng 1 - Phi Hải - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	8.50	5.50	8.00	23.00	Đ3	Điểm TBM lớp 9: 8.44
118	22.347	ĐINH BẾ THIÊN ĐAN	Nam	Tày	25/08/2010	Tục Mỹ - Mỹ Hưng - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	7.50	8.00	8.00	24.50	CH	
119	22.421	NÔNG THÙY TRANG	Nữ	Nùng	07/07/2010	Thành Lập- Hồng Quang - Quảng Hòa - Cao Bằng	Quảng Hòa	1.00	8.00	8.50	6.50	24.00	CH	Đạt giải nhất HSG cấp tỉnh môn GDCD
120	23.218	TRIỆU MINH HIẾU	Nam	Tày	28/01/2010	Nà Pò - Đức Thông - Thạch An - Cao Bằng	Thạch An	1.00	8.00	8.50	8.75	26.25	Đ1	
121	09.339	TRẦN TIẾN MINH	Nam	Tày	09/05/2010	Tổ dân phố 1 - Thị trấn Đông Khê -Thạch An - Cao Bằng	Thạch An	1.00	9.00	8.00	8.00	26.00	Đ1	
122	23.236	NGUYỄN NÔNG BÍCH NGỌC	Nữ	Tày	19/09/2010	Tổ dân phố 3 - Thị trấn Đông Khê - Thạch An - Cao Bằng	Thạch An	1.00	8.00	8.00	8.25	25.25	Đ1	
123	09.265	ĐINH THIÊN LÂM	Nam	Tày	25/10/2010	Tổ dân phố 1 - Thị trấn Đông Khê - Thạch An - Cao Bằng	Thạch An	1.00	6.75	8.00	9.50	25.25	Đ1	
124	23.213	NÔNG HOÀNG GIA	Nam	Tày	04/08/2010	Pác Nặm - Minh Khai - Thạch An - Cao Bằng	Thạch An	1.00	7.50	8.00	8.25	24.75	Đ1	Điểm TBM lớp 9: 8.44
125	23.207	NÔNG THANH BÌNH	Nam	Tày	14/11/2010	Tân Cương - Canh Tân - Thạch An - Cao Bằng	Thạch An	1.00	8.25	7.25	8.25	24.75	Đ1	Điểm TBM lớp 9: 8.73
126	24.442	TRIỆU THỊ THANH HUYỀN	Nữ	Dao	28/10/2010	Nà Vai - Kim Đồng - Thạch An - Cao Bằng	Thạch An	1.00	7.75	7.50	7.50	23.75	Đ2	
127	23.219	TRIỆU NGỌC HOA	Nữ	Dao	27/08/2010	Cầu Lặn - Đức Thông - Thạch An - Cao Bằng	Thạch An	1.00	5.25	8.25	7.00	21.50	Đ2	
128	09.453	HOÀNG NHẬT THIÊN	Nam	Tày	23/10/2010	Nà Lặng - Trọng Con - Thạch An - Cao Bằng	Thạch An	2.50	7.75	7.25	7.25	24.75	Đ3	Đạt giải nhất cấp tỉnh quy mô quốc gia
129	23.244	ĐỖ KIM SƠN	Nam	Kinh	06/05/2010	Nà Báng - Thị trấn Đông Khê - Thạch An - Cao Bằng	Thạch An	1.00	7.00	8.75	5.75	22.50	Đ4	
130	24.439	NÔNG QUỲNH HƯƠNG	Nữ	Tày	10/12/2010	Đồng Minh - Đoài Dương - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	9.50	7.75	8.75	27.00	Đ1	

Danh sách học sinh trúng tuyển Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2025 - 2026

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú (trước 01/7/2025)	Huyện cũ	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đôi tượng trúng tuyển	Ghi chú
131	29.293	HOÀNG KHÁNH ĐOAN	Nữ	Tày	27/09/2010	Kéo Chường Bản Giăn - Lăng Hiếu - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.25	8.50	8.75	26.50	Đ1	
132	09.038	NÔNG HOÀNG ANH	Nữ	Tày	05/01/2010	An Hỷ - Ngọc Khê - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.75	9.00	7.75	26.50	Đ1	
133	29.283	DƯƠNG CHÍ CAO	Nam	Nùng	09/01/2010	Pác Chang - Khâm Thành - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.50	8.00	9.00	26.50	Đ1	
134	29.300	HOÀNG THỊ NGỌC HOA	Nữ	Tày	16/10/2010	Bản Luông - Cao Thằng - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.00	8.50	8.50	26.00	Đ1	
135	29.297	BẾ THÚY HẰNG	Nữ	Tày	05/06/2010	Pò Mán - Quang Hán - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.00	8.50	8.25	25.75	Đ1	
136	29.340	LA THỊ YẾN PHƯƠNG	Nữ	Tày	02/01/2010	Đà Tiên - Lăng Hiếu - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.50	9.00	6.75	25.25	Đ1	
137	29.294	NGUYỄN THANH HẢI	Nam	Tày	25/02/2010	Lũng Luông - Lũng Rỳ - Đoài Dương - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	9.25	8.50	6.25	25.00	Đ1	
138	29.288	ĐOÀN TRIỆU DOANH	Nam	Tày	08/04/2010	Pác Mác - Chí Viễn - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	7.75	8.00	8.25	25.00	Đ1	
139	29.351	NÔNG THỊ HUYỀN TRÂN	Nữ	Tày	08/06/2010	Đồng Tiến - Trung Phúc - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	2.00	9.25	7.00	5.75	24.00	Đ1	Đạt giải nhì cấp tỉnh quy mô quốc gia
140	09.040	NÔNG NGỌC MINH ANH	Nữ	Tày	03/05/2010	Bản Khầy - Chí Viễn - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	7.25	8.25	7.00	23.50	Đ1	Điểm TBM lớp 9: 8.48
141	29.347	MA ĐÀO PHƯƠNG THÙY	Nữ	Tày	03/03/2010	Nà Giốc - Tri Phương - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.00	8.50	6.00	23.50	Đ1	Điểm TBM lớp 9: 8.45
142	29.350	HÀ BẢO TRÂM	Nữ	Tày	18/06/2010	Tổng Moòng - Thị trấn Trà Linh - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.00	7.50	7.00	23.50	Đ1	Điểm TBM lớp 9: 8.15
143	29.295	HOÀNG NGỌC HÂN	Nữ	Nùng	12/06/2010	Tổ dân phố 5 - Thị trấn Trùng Khánh - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.25	8.50	8.75	26.50	Đ3	
144	24.457	LÃ NGỌC NA	Nữ	Tày	23/11/2010	Bản Mán - Xuân Nội - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.50	8.00	8.75	26.25	Đ3	
145	29.335	NÔNG THỊ MAI NHI	Nữ	Tày	10/04/2010	Pác Cống - Bài Siêng - Phong Châu - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.50	8.75	7.50	25.75	Đ3	
146	24.448	TRIỆU XUÂN LÂM	Nam	Tày	03/03/2010	Bản Gun Khuổi Ky - Đàm Thủy - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.75	8.00	7.75	25.50	CH	
147	09.468	NÔNG HOÀNG HIỆU THU	Nữ	Tày	14/03/2010	Bản Phang - Đàm Thủy - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.50	8.00	8.00	25.50	CH	
148	29.329	NÔNG THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	Nùng	19/03/2010	Lũng Phiắc - Đàm Thủy - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.50	6.50	8.50	24.50	CH	
149	09.533	ĐOÀN MINH VŨ	Nam	Nùng	26/06/2010	Tổ 1 - Thị trấn Trùng Khánh - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	8.50	8.50	6.25	24.25	CH	

Danh sách học sinh trúng tuyển Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm học 2025 - 2026

TT	Số báo đanh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú (trước 01/7/2025)	Huyện cũ	Tổng điểm cộng	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Tổng điểm xét tuyển	Đối tượng trúng tuyển	Ghi chú
150	29.279	HOÀNG HOÀI ANH	Nữ	Tày	09/02/2010	Tổ 1 - Thị trấn Trùng Khánh - Trùng Khánh - Cao Bằng	Trùng Khánh	1.00	7.00	8.00	8.00	24.00	CH	

Danh sách gồm 150 học sinh./.